

Số: 4323/QĐ-UBND

U Minh Thượng, ngày 19 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng
tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Hệ thống quản lý chất lượng) vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành hệ thống tài liệu quản lý theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại huyện U Minh Thượng (có danh mục tài liệu kèm theo).

Điều 2. Các phòng, ban chuyên môn trực thuộc và các cán bộ, công chức thuộc UBND huyện có trách nhiệm đọc hiểu và thi hành công việc theo đúng quy định của hệ thống tài liệu này, tiến hành đưa hệ thống văn bản theo TCVN ISO 9001:2015 vào áp dụng trong các hoạt động thực tế. Thời gian áp dụng HTQLCL kể từ ngày 19/10/2023.

Các tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng có hiệu lực từ ngày ký duyệt ban hành, các văn bản trước đây trái ngược với các quy định của các tài liệu này đều bị hủy bỏ hiệu lực. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban chỉ đạo để có biện pháp giải quyết.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND, Ban chỉ đạo ISO, Tổ thư ký, các phòng, ban chuyên môn, cán bộ, công chức thuộc UBND huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận: *như*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Quốc Khởi

DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

ST T	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
A. Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng			
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng		
	- Chính sách chất lượng		
	- Mục tiêu chất lượng		
2	Quy trình hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01	
3	Quy trình hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02	
4	Quy trình hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
5	Quy trình hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04	
B. Quy trình giải quyết TTHC			
NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO			
I. Lĩnh vực Giáo dục - Mầm non (5 TTHC)			
1	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục.	QT.GDMN.01	
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.	QT.GDMN.02	
3	thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.	QT.GDMN.03	
4	Thủ tục giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục.	QT.GDMN.04	
5	Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục.	QT.GDMN.05	
II. Lĩnh vực Giáo dục - Tiểu học (5 TTHC)			
1	Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục.	QT.GDTH.01	
2	Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại.	QT.GDTH.02	
3	Thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường).	QT.GDTH.03	
4	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường tiểu học.	QT.GDTH.04	
5	thủ tục chuyển trường đối với học sinh tiểu học.	QT.GDTH.05	
III. Lĩnh vực Giáo dục - Trung học (8 TTHC)			
1	Thủ tục Thành lập thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục.	QT.GDTH.01	

2	Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục.	QT.GDTH.02	
3	Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại.	QT.GDTH.03	
4	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở.	QT.GDTH.04	
5	Thủ tục giải thể trường tiểu học/trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường).	QT.GDTH.05	
6	Thủ tục Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	QT.GDTH.06	
7	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GDTH.07	
8	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GDTH.08	
IV. Lĩnh vực Giáo dục - Dân tộc (4 TTHC)			
1	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú.	QT.GDDT.01	
2	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục.	QT.GDDT.02	
3	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục.	QT.GDDT.03	
4	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú.	QT.GDDT.04	
V. Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (5 TTHC)			
1	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GDĐTHTQD.01	
2	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GDĐTHTQD.02	
3	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT.GDĐTHTQD.03	
4	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GDĐTHTQD.04	
NGÀNH XÂY DỰNG			
I. Lĩnh vực hoạt động xây dựng (9 TTHC)			
1	Cấp Giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.01	
2	Cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình không theo tuyến cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.02	
3	Cấp Giấy phép xây dựng cho Dự án công trình không theo tuyến cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.03	
4	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.04	
5	Cấp Giấy phép di dời công trình cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.05	

6	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.06	
7	Gia hạn Giấy phép xây dựng nhà ở, công trình cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.08	
8	Cấp lại Giấy phép xây dựng nhà ở, công trình cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền huyện quản lý	QT.XD.09	
9	Thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	QT.XD.10	

NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

I. Lĩnh vực Đất đai (10 TTHC)

1	Đăng ký và Cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT.ĐĐ.01	
2	Cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã đăng ký lần đầu	QT.ĐĐ.02	
3	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT.ĐĐ.03	
4	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đón điền đổi thửa” (đồng loạt)	QT.ĐĐ.04	
5	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.ĐĐ.05	
6	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.ĐĐ.06	
7	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT.ĐĐ.07	
8	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.ĐĐ.08	
9	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT.ĐĐ.09	
10	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện	QT.ĐĐ.10	

II. Lĩnh vực Môi trường (1 TTHC)

1	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.MT.01	
2	cấp giấy phép môi trường	QT.MT.02	
3	cấp đổi giấy phép môi trường	QT.MT.03	
4	cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT.MT.04	
5	cấp lại giấy phép môi trường	QT.MT.05	

III. Lĩnh vực Tài nguyên nước (2 TTHC)

1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.MT.01	
---	---------------------------------	----------	--

2	Lấy ý kiến đối với UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT.MT.02	
NGÀNH Y TẾ			
I. Lĩnh vực: An toàn thực phẩm và dinh dưỡng (1 TTHC)			
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 (Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 7/10/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	QT.ATTP.01	
NGÀNH CÔNG THƯƠNG			
I. Lĩnh vực: Kinh doanh khí (3 TTHC)			
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.01	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.02	
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.03	
II. Lĩnh vực: Lưu thông hàng hoá trong nước (9 TTHC)			
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.01	
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.02	
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.03	
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	QT.LTHH.04	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	QT.LTHH.05	
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	QT.LTHH.06	
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.07	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.08	
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.09	
NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI			
I. Lĩnh vực: Đường thủy nội địa (13 TTHC)			
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.01	
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.02	

3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khai thác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT.ĐTNĐ.03	
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp cthay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.ĐTNĐ.04	
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	QT.ĐTNĐ.05	
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	QT.ĐTNĐ.06	
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.ĐTNĐ.07	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (do giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng)	QT.ĐTNĐ.08	
9	Xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT.ĐTNĐ.09	
10	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT.ĐTNĐ.10	
11	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước do thay đổi tên phương tiện, hoặc thay đổi thông số kỹ thuật, hoặc thay đổi chủ sở hữu phương tiện.	QT.ĐTNĐ.11	
12	Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước do giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng	QT.ĐTNĐ.12	
13	Xóa Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.13	

NGÀNH THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG

I. Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình (4 TTHC)

1	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH.01	
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH.02	
3	Quy trình Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH.03	
4	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH.04	

NGÀNH VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

I. Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở (6 TTHC)

1	Cấp phép kinh doanh dịch vụ karaoke	QT.VHCS.01	
2	Cấp phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT.VHCS.02	
3	Xét tặng Danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT.VHCS.04	
4	Xét tặng Danh hiệu Khu dân cư văn hóa	QT.VHCS.05	
5	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT.VHCS.10	
6	Thông báo tổ chức Lễ hội	QT.VHCS.11	
II. Lĩnh vực: Thư Viện (3 TTHC)			
1	giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng	QT.TV.01	
2	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng	QT.TV.02	
3	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng.	QT.TV.03	
II. Lĩnh vực: Gia đình (6 TTHC)			
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHGD.01	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHGD.02	
3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHGD.03	
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHGD.04	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHGD.05	
6	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHGD.06	
NGÀNH LAO ĐỘNG - TB VÀ XH			
I. Lĩnh vực: Trẻ em (2 TTHC)			
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.TE.01	
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
II. Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (15 TTHC)			

1	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.01	
2	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.02	
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động – TB&XH	QT.BTXH.03	
4	Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có Giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT.BTXH.04	
5	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BTXH.05	
6	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BTXH.06	
7	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BTXH.07	
8	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BTXH.08	
9	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.BTXH.09	
10	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.BTXH.10	
11	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.BTXH.11	
12	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.BTXH.12	
13	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.	QT.BTXH.13	
14	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.BTXH.14	
15	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữ các địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.BTXH.15	
III. Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (1 TTHC)			
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.TNXH.01	
IV. Lĩnh vực: Người có công (3 TTHC)			
1	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.01	

2	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.NCC.02	
3	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT.NCC.03	
4	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.04	
5	lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chính hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập chung tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.NCC.05	
6	đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng, tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	QT.NCC.06	
VI. Lĩnh vực: Lao động tiền lương, quan hệ lao động (2 TTHC)			
1	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	QT.LĐTL.01	
2	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	QT.LĐTL.02	
NGÀNH NỘI VỤ			
I. Lĩnh vực: Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (3 TTHC)			
1	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.HCSH.01	
2	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.HCSH.02	
3	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.HCSH.03	
II. Lĩnh vực: Thi đua, khen thưởng (8 TTHC)			
1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.	QT.KT.01	
2	Thủ tục tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	QT.KT.02	
3	Thủ tục tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa	QT.KT.03	
4	Thủ tục tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	QT.KT.04	
5	Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến	QT.KT.05	
6	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT.KT.06	
7	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT.KT.07	
8	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT.KT.08	
III. Lĩnh vực: Tín ngưỡng Tôn giáo (9 TTHC)			
1	Thủ tục đăng ký cho hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong huyện.	QT.TG.01	
2	Thủ tục đăng ký cho dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện	QT.TG.02	
3	Thủ tục thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT.TG.03	

4	Thủ tục đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT.TG.04	
5	Thủ tục chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện	QT.TG.05	
6	Thủ tục chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	QT.TG.06	
7	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện	QT.TG.07	
8	Thủ tục chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	QT.TG.08	
9	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện	QT.TG.09	
IV. Lĩnh vực: Tổ chức phi chính phủ (5 TTHC)			
1	Thủ tục thành lập hội	QT.H.PCP.01	
2	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	QT.H.PCP.02	
3	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.H.PCP.03	
4	Thủ tục đổi tên hội	QT.H.PCP.04	
5	Thủ tục hội tự giải thể	QT.H.PCP.05	
NGÀNH THANH TRA			
I. Lĩnh vực: Phòng chống tham nhũng (5 TTHC)			
1	Kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01	
2	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.02	
3	Xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.03	
4	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.04	
5	Thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.05	
II. Lĩnh vực: Khiếu nại, tố cáo (3 TTHC)			
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.KN.01	
2	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT.KN.02	
3	Giải quyết tố cáo	QT.TC.01	
III. Lĩnh vực: Tiếp Công dân (1 TTHC)			
1	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT.TCD.01	
IV. Lĩnh vực: Xử lý đơn (1 TTHC)			
1	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT.ĐT.01	
NGÀNH TƯ PHÁP			
I. Lĩnh vực: Chứng thực (11 TTHC)			
1	Thủ tục: Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TPCT.01	
2	Thủ tục: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TPCT.02	

3	Thủ tục: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	QT.TPCT.03	
4	Thủ tục: Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).	QT.TPCT.04	
5	Thủ tục: Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	QT.TPCT.05	
5	Thủ tục: Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TPCT.06	
6	Thủ tục: Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch, đã được chứng thực	QT.TPCT.07	
7	Thủ tục: Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của p Tư pháp	QT.TPCT.08	
8	Thủ tục: Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	QT.TPCT.09	
9	Thủ tục: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TPCT.10	
10	Thủ tục: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TPCT.11	
11	Thủ tục: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TPCT.12	
II. Lĩnh vực: Hộ tịch (16 TTHC)			
1	Thủ tục: Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.01	
2	Thủ tục: Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.02	
3	Thủ tục: Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.03	
4	Thủ tục: Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.04	
5	Thủ tục: Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.05	
6	Thủ tục: Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.06	
7	Thủ tục: Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.07	
8	Thủ tục: Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TPHT.08	
9	Thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TPHT.09	
10	Thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TPHT.10	

11	Thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.TPHT.11	
12	Thủ tục: Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TPHT.12	
13	Thủ tục: Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.13	
14	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.	QT.TPHT.14	
15	Thủ tục: Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TPHT.15	
16	Thủ tục: Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.16	
III. Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước (2 TTHC)			
1	Thủ tục phục hồi danh dự	QT.BTNN.01	
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.BTNN.02	
IV. Lĩnh vực: Phổ biến, giáo dục pháp luật (3 TTHC)			
1	Thủ tục: Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	QT.PBGDPL.01	
2	Thủ tục: Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	QT.PBGDPL.02	
3	Thủ tục: thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.PBGDPL.03	
NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
I. Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (5 TTHC)			
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.ĐKHKD.01	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.ĐKHKD.02	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.ĐKHKD.03	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.ĐKHKD.04	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.ĐKHKD.05	
II. Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (18 TTHC)			
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT.HKD.01	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trường hợp nơi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trên địa bàn huyện nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính)	QT.HKD.02	
3	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trường hợp nơi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính)	QT.HKD.03	
4	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài)	QT.HKD.04	

5	Đăng ký nội dung thay đổi đăng ký hợp tác xã (trừ trường hợp hợp tác xã thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký, thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên)	QT.HKD.05	
6	Đăng ký nội dung thay đổi đăng ký hợp tác xã trường hợp hợp tác xã thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký	QT.HKD.06	
7	Thông báo nội dung thay đổi đăng ký hợp tác xã trường hợp hợp tác xã thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.	QT.HKD.07	
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trừ trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài)	QT.HKD.08	
9	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sang huyện, hoặc tỉnh thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.HKD.09	
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài.	QT.HKD.10	
11	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.HKD.11	
12	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.HKD.12	
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HKD.13	
14	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT.HKD.14	
15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT.HKD.15	

16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo thông tư số 03/2014/TT-BKH	QT.HKD.16	
17	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.HKD.17	
18	Đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập	QT.HKD.18	
NGÀNH NÔNG NGHIỆP			
I. Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT (4 TTHC)			
1	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.PTNT.01	
2	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.PTNT.02	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.PTNT.03	
4	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.PTNT.04	
II. Lĩnh vực lâm nghiệp (1 TTHC)			
1	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường	QT.PTNT.01	
NGÀNH TÀI CHÍNH			
I. Lĩnh vực: Quản lý công sản (13 TTHC)			
1	Mua quyền hóa đơn	QT.QLCS.01	
2	Mua hóa đơn lẻ	QT.QLCS.02	
3	Mua sắm tài sản công (không phải dự án đầu tư)	QT.QLCS.03	
4	Quyết định thuê tài sản	QT.QLCS.04	
5	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT.QLCS.05	
6	Quyết định tiêu hủy tài sản công	QT.QLCS.06	
7	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	QT.QLCS.07	
8	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT.QLCS.08	
9	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	QT.QLCS.09	
10	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	QT.QLCS.10	
11	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT.QLCS.11	
12	Quyết định thanh lý tài sản công	QT.QLCS.12	
13	Quyết định bán tài sản công	QT.QLCS.13	
TỔNG CỘNG 231 TTHC			